

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15-8-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thu Lan;

Bà Phạm Thị Vĩnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 642/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Đoan T, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng, hiện cư trú: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Anh Đàm Xuân H, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng, hiện cư trú: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 4 năm 2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Bùi Thị Đoan T trình bày:

Chị Bùi Thị Đoan T và anh Đàm Xuân H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng vào

ngày 03 tháng 02 năm 2005. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2007 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, Anh H sống ích kỷ, không có trách nhiệm với vợ con. không tin tưởng nhau, nghi ngờ chị T không chung thủy, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Hai bên gia đình kết hợp hòa giải nhưng không có kết quả. Từ đầu năm 2022 chị T thuê nhà nơi khác sinh sống, vợ chồng không ai quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh H. Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là Đàm Phương L, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2005 và Đàm Xuân N, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2008. Chị T đề nghị Tòa án giao cả 02 con cho anh H nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/con/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đàm Xuân H trình bày: Anh H thống nhất với chị T về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng. Anh H xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn, nay chị T có đơn xin ly hôn, anh H có ý kiến đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về với nhau. Tại phiên tòa hôm nay anh H mong muốn chị T suy nghĩ để vợ chồng trở lại đoàn tụ nếu chị T cương quyết ly hôn anh H cũng đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: Anh H thống nhất với chị T về việc vợ chồng có 02 con chung là Đàm Phương L, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2005 và Đàm Xuân N, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2008. Anh H đề nghị được nuôi cả hai con và anh H yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/con/tháng (Hai triệu đồng). Về tài sản chung: Anh Đàm Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ cũng như các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn chị Bùi Thị Đoan T và bị đơn anh Đàm Xuân H đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị T được ly hôn anh H; về con chung: Giao con Đàm Phương L, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2005 và Đàm Xuân N, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2008 cho anh H nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/con/tháng kể từ tháng 9 năm 2022 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Chị T và anh H đều không yêu cầu giải quyết

nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị T có đơn xin ly hôn anh H nên xác định đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn anh H có đăng ký hộ khẩu tại thôn P, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng, hiện đang cư trú tại thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 03 tháng 02 năm 2005, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T cho rằng: Vợ chồng hòa thuận thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau. Anh H không quan tâm đến vợ con, sống ích kỷ và nghi ngờ chị T không chung thủy. Anh H trình bày: Vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp nhưng chưa đến mức vợ chồng ly hôn, anh H mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ nếu chị T kiên quyết ly hôn anh H chấp nhận theo yêu cầu của chị T. Căn cứ lời trình bày của chị T và anh H, kết quả xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương thấy rằng mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh H đã trầm trọng, mặc dù được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đầu năm 2022 chị T đã bỏ đi thuê nhà sống và ly thân với anh H, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T xin ly hôn anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là Đàm Phương L, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2005 và Đàm Xuân N, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2008. Chị T đề nghị giao cả 02 con cho anh H nuôi dưỡng và chị T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/con/tháng. Anh H đồng ý nuôi cả 02 con nhưng yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/con/tháng. Xét thấy 02 con Đàm Phương L và Đàm Xuân N đều trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với bố là anh H và hiện anh H đang trực tiếp nuôi dưỡng nên giao cả 02 con cho anh H nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con hiện nay chị T và anh H đều đi làm có công ăn việc làm ổn định, có thu nhập hàng tháng, chị T thu nhập mỗi tháng 8.977.000đ (tám triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng), tại phiên tòa anh H trình bày thu nhập mỗi tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng). Hội đồng xét xử kiên trì hòa giải về việc cấp dưỡng nuôi con nhưng

chị T và anh H vẫn giữ nguyên ý kiến của mình không thay đổi. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự ổn định cho cuộc sống và việc học tập của các con, cần giao con Đàm Phương L, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2005 và con Đàm Xuân N, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2008 cho anh H nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi một con là 1.500.000đ/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng) đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp điều kiện thực tế tại địa phương và phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị T và anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Đoan T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Đoan T được ly hôn với anh Đàm Xuân H.

2. Về con chung: Giao con Đàm Phương L, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2005 và con Đàm Xuân N, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2008 cho anh Đàm Xuân H nuôi dưỡng; chị Bùi Thị Đoan T cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/con/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 9 năm 2022 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền cấp dưỡng

nuôi con nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Đoan T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị Đoan T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001234 ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thị Đoan T còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Bùi Thị Đoan T và anh Đàm Xuân H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã C
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

